**Chương 1. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ PHẠM VI LÃNH THỔ, ĐỊA HÌNH VÀ KHOÁNG SẢN VIỆT NAM (12 tiết)**

**Bài 1. Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ Việt Nam (3tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

1. Kiến thức

• Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí của Việt Nam.

• Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa li và phạm vi lãnh thổ đói với sự hình thành

2. Năng lực

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học: Tự học và hoàn thiện các nhiệm vụ thông qua phiếu học tập.

+ Giao tiếp và hợp tác: Sử dụng ngôn ngữ, kết hợp với các công cụ học tập để trình bày thông tin, thảo luận nhóm.

+ Giải quyết vấn đề sáng tạo.

- Năng lực Địa lí

+ Năng lực nhận thức Địa lí: Năng lực nhận mức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích hiện tượng và quá trình địa lí tự nhiên và địa lí kinh tế - xã hội.

+ Năng lực tìm hiểu Địa lí: sử dụng bản đồ khu vực Đông Nam Á, bản đồ Việt Nam. Khai thác thông tin từ Internet để mở rộng kiến thức.

3. Phẩm chất

- Có nhận thức đúng đắn về các vấn đề chủ quyền của Việt nam trên phần đất liền và vùng biển; sự thống nhất toàn vẹn lãnh thổ

- Yêu tổ quốc, khoa học, biết khám phá

- Chăm chỉ: Tích cực tham gia các hoạt động xã hội bảo vệ vùng đất, vùng trời và vùng biển.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. Đối với giáo viên.

- Bản đồ khu vực Đông Nam Á; bản đồ hành chính Việt Nam

- Các video về các điểm cực của Tổ Quốc, vi deo về sự đa dạng của thiên nhiên nước ta.

2. Đối với học sinh.

Video và tranh ảnh về vị trí địa lí Việt nam

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** |
| **1. Hoạt động khởi động**  **a. Mục tiêu**  - Khai thác những hiểu biết của HS về vị trí điạ lí của nước ta. Kết nối vào bài học, tạo hứng thú cho người học.  **b. Nội dung**  HS nêu những hiểu biết cuả bản thân về vị trí địa lí nước ta  **c. Sản phẩm**  - Câu trả lời cá nhân của học sinh.  **d. Cách thức tổ chức**  **Bước 1**: Giao nhiệm vụ  (GV sử dụng kĩ thuật động não)  HS hãy nêu những hiểu biết của bản thân về vị trí địa lí nước ta?  **Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3:** Báo cáo kết quả  - Hiểu biết thông qua những chuyến du lịch.  - Hiểu biết thông qua báo mạng  - Hiểu biết thông qua lời kể của người khác  **Bước 4:** Đánh giá và chốt kiến thức, và kết nối vào bài học  - Những chia sẻ của các em hết sức thú vị. Trong chương 1 này các em sẽ được tìm hiểu về những đặc điểm chung nhất của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, địa hình và khoáng sản nước ta.  - Và để trả lời câu hỏi vị trí địa lí nước ta có ảnh hưởng như thế nào tới sự hình thành đặc điểm tự nhiên nước ta. Cô trò chúng ta cùng bước vào nội dung bài học hôm nay. | |
| **2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới** | |
| **2.1. Tìm hiểu về vị trí địa lí**  **a. Mục tiêu**  - Trình bày được đặc điểm VTĐL Việt Nam  - Xác định được VTĐL của nước ta trên bản đồ.  **b. Nội dung**  HS làm việc cá nhân để trả lời các câu hỏi của GV  **c. Sản Phẩm**: Câu trả lời của HS  **d. Cách thức tổ chức** | |
| **Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ  - GV hướng dẫn HS quan sát hình 1:1 Bản đồ vị trí địa lí Việt Nam trong khu vực Đông Nam Á  - HS quan sát hình 1:1 và thông tin mục 1, cho biết:  *+ Trình bày vị trí địa lí Việt nam*  *+ Xác định hệ toạ độ địa lí VN trên bản đồ hành chính (điểm cực bắc, nam, đông, tây)*  **Bước 2:** Thực hiện nhiệm cá nhân  **Bước 3:** Báo cáo kết quả  - HS báo cáo kết quả làm việc trước lớp  - HS khác nhận xét, bổ sung  - HS lên xác định trên bản đồ hệ toạ độ địa lí VN trên bản đồ hành chính  **Bước 4:** Đánh giá và chốt kiến thức  - Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh.  - Chuẩn kiến thức và nhận xét kĩ năng chỉ toạ độ của HS. Hệ toạ độ địa lí trên đất liển của nước ta:  + Cực Bắc: 23°23,B (xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang)  + Cực Nam: 8°34’B (xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau)  + Cực Tây: 102°09’Đ (xã Sín Thầu, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên)  + Cực Đông: 109°28’Đ (xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hoà) | **1. Vị trí địa lí.**  - Việt Nam nằm ở rìa phía đông của bán đảo Đông Dương, gần trung tâm của khu vực Đông Nam Á.  - Nước ta nằm ở vị trí nội chí tuyến bán cầu Bắc; trong khu vực châu Á gió mùa; nơi tiếp giáp giữa đất liền và đại dương, liền kề với vành đai sinh khoáng  - Phần đất liền Việt Nam có vị trí: theo chiều bắc - nam từ 23°23'B đến 8°34'B, theo chiều đông - tây từ 109°24'Đ đến 102°09'Đ.  - VN nằm trên ngã tư đường hằng hải và hàng không quốc tế, là cầu nối giữa ĐNA lục địa và ĐNA đất liền |
| **2.2. Tìm hiểu về Phạm vi lãnh thổ.**  a. Mục tiêu  Trình bày được phạm vi lãnh thổ Việt Nam  b. Nội dung: HS cá nhân, cặp đôi để tìm hiểu về phạm vi lãnh thổ nước ta.  c. Sản Phẩm: Câu trả lời của HS  d. Cách thức tổ chức | |
| **Bước 1:** Giao nhiệm vụ  Hoạt động cá nhân  *Dựa vào thông tin mục 2 và hình 1.1, hãy:*  *1. Cho biết các quốc gia và biển tiếp giáp với phần đất liền của Việt Nam.*  *2. Mô tả hình dạng lãnh thồ phẩn đất liền của nước ta.*  Hoạt động cặp đôi.  *HS thảo luận để chọn ra các đặc điểm phạm vi lãnh thổ nước ta trình bày trước lớp.*  **Bước 2**: HS thực hiện nhiệm vụ  - HS trao đổi và trả lời câu hỏi  **Bước 3**: HS báo cáo kết quả làm việc  - HS trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung  **Bước 4:** Đánh giá và chốt kiến thức  - Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh.  - Chuẩn kiến thức: | **2. Phạm vi lãnh thổ.**  - Lãnh thổ Việt Nam là một khối thống nhất và toàn vẹn, bao gồm vùng đất, vùng biển và vùng trời.  - Vùng đất của nước ta bao gồm toàn bộ phần đất liền và các đảo, quần đảo trên Biển Đông, với tổng diện tích lãnh thổ là 331 212 km2. Đường biên giới trên đất liền của nước ta dài hơn 4 600 km.  - Vùng biển Việt Nam có diện tích khoảng 1 triệu km2, chiếm gần 30% diện tích Biển Đông.  - Vùng trời của Việt Nam là khoảng không gian bao trùm trên lãnh thổ nước ta.  ….. |
| **2.3. Tìm hiểu về Ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đối với sự hình thành đặc điểm địa lí tự nhiên Việt Nam**  a. Mục tiêu  Phân tích được anh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đối với sự hình thành đặc điểm địa lí tự nhiên Việt Nam  b. Nội dung: HS cá nhân, cặp đôi để tìm hiểu về phạm vi lãnh thổ nước ta.  c. Sản Phẩm: Câu trả lời của HS  d. Cách thức tổ chức | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chiếu phiếu học tập và hướng dẫn các nhóm hoàn thành phiếu.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Nội dung | Vị trí địa lí | Lãnh thổ | | Đặc điểm |  |  | | ảnh hưởng |  |  |   (HS làm việc nhóm)  **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ nhóm  **Bước 3:** Báo cáo kết quả  - HS báo cáo kết quả làm việc trước lớp  - HS khác nhận xét, bổ sung  **Bước 4:** Đánh giá và chốt kiến thức  - Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh.  - Chuẩn kiến thức: | **3. Ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đối với sự hình thành đặc điểm địa lí tự nhiên Việt Nam**  (bảng chuẩn kiến thức) |
| **BẢNG CHUẨN KIẾN THỨC.**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Nội dung** | **Vị trí địa lí** | **Lãnh thổ** | | **Đặc điểm** | - Nằm ở đới nóng, trong khu vực gió mùa Đông Nam Á.  - Nằm kề biển Đông.  - Nơi hội tụ của nhiều luồng sinh vật | Lãnh thổ hẹp ngang, kéo dài và có vùng biển rộng. | | **Ảnh hưởng** | - Thiên nhiên nhiệt đới ấm gió mùa, chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển  - Khí hậu: Nóng ẩm, 1 năm có hai mùa rô rệt , có nhiều bão.  - Sinh vật: Hệ sinh thái rừng nhiệt đới gió mùa phát triển, thành phần loài đa dạng.  - Đất: điển hình là đất Feralit | - Thiên nhiên phân hoá đa dạng:  + Khí hậu có sự phân hoá theo chiều bắc - nam, đông - tây.  + Sự phân hoá của khí hâu dẫn đến sự phân hoá của sinh vật và đất, làm cho sinh vật và đất ở nước ta phong phú, đa dạng. | | |
| **3. Hoạt động luyện tập**  **a. Mục tiêu**  - Củng cố, luyện tập cho HS kĩ năng phân tích mối quan hệ nhân quả giữa VTĐL và phạm vi lãnh thổ nước ta với các thành phần tự nhiên nước ta  **b. Nội dung**  - HS vẽ sơ đồ thể hiện ảnh hưởng của VTĐL và phạm vi lãnh thổ nước ta với các thành phần tự nhiên nước ta  **c. Sản Phẩm:** Sơ đồ tư suy  **d. Cách thức tổ chức**  **Bước 1**: Giao nhiệm vụ cho học sinh:  HS vẽ sơ đồ thể hiện ảnh hưởng của VTĐL và phạm vi lãnh thổ nước ta với các thành phần tự nhiên nước ta  **Bước 2**: Thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3**: Báo cáo kết quả làm việc  **Bước 4:** GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.   |  |  | | --- | --- | | **Đặc điểm VTĐL và phạm vi lãnh thổ** | **Tác động tới các thành phần tự nhiên** | | - Nằm ở đới nóng, trong khu vực gió mùa Đông Nam Á | - Thiên nhiên nhiệt đới gió mùa  - KH nóng ẩm, 1 năm có 2 mùa rõ rêt.  - Hệ sinh thái rừng nhiệt đới gió mùa phát triển. Đất: điển hình là đất Feralit | | Phần đất liền hẹp ngang, nằm kề biển Đông | Thiên nhiên chịu a/h sâu sắc của biển | | Nằm ở nơi hội tụ của nhiều luồn sinh vật | Thành phần SV trên cạn và dưới nước rất đa dạng | | Lãnh thổ kéo dài, hẹp ngang | Khí hậu phân hoá theo chiều Bắc – Nam; Đông - Tây | | |
| **4. Hoạt động vận dụng, mở rộng**  **a. Mục tiêu**  Mở rộng kiến thức cho HS về những thuận lợi, khó khăn của VTĐL nước ta trong việc giao lưu với các nước trong khú vực và trên thế giới  **b. Nội dung**  HS tìm kiếm thông tin trên báo, mạng về những thuận lợi, khó khăn của VTĐL nước ta trong việc giao lưu với các nước trong khú vực và trên thế giới  **c. Sản Phẩm**  Hình ảnh, video  **d. Cách thức tổ chức**  - GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện ở nhà dưới sự hướng dẫn tìm kiếm các thông tin của GV.  HS trình bày báo cáo kết quả trước lớp vào giờ học hôm sau. | |

**Bài 2. Địa hình Việt Nam (5 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

1. Kiến thức

- Trình bày được một trong những đặc điểm chủ yếu của địa hình Việt Nam.

- Trình bày được đặc điểm của các khu vực địa hình: địa hình đồi núi, địa hình đồng bằng, địa hình bờ biển và thềm lục địa.

- Tìm được ví dụ chứng minh ảnh hưởng của sự phân hoá địa hình đối với sự phân hoã lãnh thổ tự nhiên và khai thác kinh tế

2. Năng lực

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học: Tự học và hoàn thiện các nhiệm vụ thông qua phiếu học tập.

+ Giao tiếp và hợp tác: Sử dụng ngôn ngữ, kết hợp với các công cụ học tập để trình bày thông tin, thảo luận nhóm.

+ Giải quyết vấn đề sáng tạo.

- Năng lực Địa lí

Sử dụng các công cụ địa lí để khai thác thông tin và giải thích các hiện tượng tự nhiên như hiện tượng phơn sự phân hoá địa hính, tự nhiên

3. Phẩm chất

Thêm tình yêu quê hương đất nước và có trách nhiệm bảo vệ cảnh quan môi trường

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. Đối với giáo viên.

- Bản đồ hành chính Việt Nam.

- Lát cắt địa hình.

- Tranh ảnh video về địa hình Việt Nam.

- Phiếu học tập.

2. Đối với học sinh.

Tranh ảnh và video

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Hoạt động khởi động**  **a. Mục tiêu**  Cung cấp thông tin cho, tạo kết nối giữa các dạng địa hình trên Trái Đất và địa hình ở Việt Nam  - Tạo hứng thú, kích thích sự tò mò, sáng tạo của người học.  **b. Nội dung**  HS quan sát Video về các dạng địa hình  **c. Sản phẩm**  - Câu trả lời cá nhân của học sinh.  **d. Cách thức tổ chức**  **Bước 1**: Giao nhiệm vụ  HS quan sát video về các dạng địa hình và ghi chép lại các dạng địa hình mà em ghi chép được  **Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3:** Báo cáo kết quả  **Bước 4:** Đánh giá và chốt kiến thức, và kết nối vào bài học  Vậy để biết được các đặc điểm địa hình, các dạng địa hình chính ở nước ta. Cô trò chúng ta cùng nhau tìm hiểu bài học hôm nay. | |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới.** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** |
| **2.1. Tìm hiểu về Đặc điểm chung của địa hình.**  **a) Địa hình đổi núi chiêm ưu thế**  **a. Mục tiêu**  - HS nêu được sự ưu thế của dạng địa hình đồi núi nước ta.  - Xác định trên lược đồ 1 số đỉnh núi, 1 số nhành núi và đồng bằng lớn.  **b. Nội dung**  HS làm việc cá nhân/cặp nhóm để trả lời các câu hỏi của GV  **c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS  **d. Cách thức tổ chức** | |
| **Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ  HS làm việc cặp đôi  GV hướng dẫn HS quan sát bản đồ địa hình Việt Nam  HS Dựa vào thông tin SGK và bản đồ địa hình Việt Nam  Nêu đặc điểm địa hình khu vực đồng bằng và khu vực đồi núi.   |  |  | | --- | --- | | **Khu vực** | **Đặc điểm** | | Đồi núi |  | | Đồng bằng |  |   HS làm việc cá nhân.  HS lên Xác định trên lược đồ 1 số đỉnh núi, 1 số nhành núi và đồng bằng lớn  **Bước 2:** Thực hiện nhiệm cá nhân  **Bước 3:** Báo cáo kết quả  **Bước 4:** Đánh giá và chốt kiến thức  - Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh. | **1. Đặc điểm chung của địa hình.**  **a) Địa hình đổi núi chiêm ưu thế**  + Đồi núi chiếm tới 3/4 diện tích phần đất liễn, nhưng chủ yếu là đổi núi thấp.  + Đồi núi nước ta chạy dài 1 400 km, từ Tây Bắc tới Đông Nam Bộ.  + Địa hình đồng bằng chỉ chiếm 1/4 diện tích phần đất liễn. |
| **b) Địa hình có hai hướng chính là tây bắc - đông nam và hướng vòng cung**  **a. Mục tiêu**  - Xác định trên lược đồ 1 số dãy núi có hướng tây bắc - đông nam và hướng vòng cung  **b. Nội dung**  HS làm việc cá nhân trả lời các câu hỏi của GV  **c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS  **d. Cách thức tổ chức** | |
| **Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ  HS Dựa vào thông tin SGK mục b và bản đồ địa hình Việt Nam  + Xác định trên lược đồ 1 số dãy núi có hướng tây bắc - đông nam và hướng vòng cung  + Nêu hướng chính của địa hình Việt Nam.  **Bước 2:** Thực hiện nhiệm cá nhân  **Bước 3:** Báo cáo kết quả  **Bước 4:** Đánh giá và chốt kiến thức  - Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh.  - Mở rộng, GV có thể yêu cầu HS lấy ví dụ chúng minh ảnh hưởng của hướng địa hình đến hướng dòng chảy các con sông. GV có thể gợi ý cho HS quan sát bẳn đồ để nhận xét hướng của các con sông nước ta chảy theo hướng nào? Có tương đồng và phù hợp với hướng địa hình không?... Từ đó, GV giúp HS nắm được hướng địa hình ảnh hưởng đến hướng dòng chảy của các con sông và HS tự nêu được một số ví dụ vẽ hướng dòng chảy của các con sông chứng minh cho nội dung trên. Ví dụ: sông Hồng chảy theo hướng tây bắc - đông nam, phù hợp với hướng địa hình thung lũng sông Hồng chạy theo hướng tây bắc - đông nam,... | **b) Địa hình có hai hướng chính là tây bắc - đông nam và hướng vòng cung**  Địa hình nước ta có 2 hướng chính  + Hướng tây bắc- đông nam: dãy Con Voi, Hoàng Liên Sơn, dãy Trường Sơn Bắc ...  + Hướng vòng cung chủ yếu là khu vực Đông Bắc (cc Ngân Sơn, cc Bắc Sơn, cc Đông Triều , cc Đông Triều) |
| **c) Địa hình có tính chất phân bậc khá rõ rệt**  **a. Mục tiêu**  - Nắm được tính chất phần bậc khá rõ rệt của địa hình Việt Nam.  - Xác định được vị trí các bậc địa hình của nước ta trên bản đồ.  **b. Nội dung**  HS làm việc cá nhân để trả lời các câu hỏi của GV  **c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS  **d. Cách thức tổ chức** | |
| **Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ  - GV hướng dẫn HS dựa vào thông tin mục c và hình 2.1 để xác định vị trí các bậc địa hình của nước ta trên bản đồ với nhiẽu bậc kế tiếp nhau: núi đồi ở phía bắc, phía tây và tây bắc; đồng bằng ở phía đông và phía nam; thểm lục địa,...  **Bước 2:** Thực hiện nhiệm cá nhân  **Bước 3:** Báo cáo kết quả  **Bước 4:** Đánh giá và chốt kiến thức  - GV diễn giải thêm vể lịch sử hình thành lãnh thổ để giải thích nguyên nhân tại sao địa hình nước ta có tính phân bậc khá rõ rệt và chốt kiến thức: Địa hình nước ta phần thành nhiều bậc địa hình lớn kế tiếp nhau: núi đồi, đổng bằng, bờ biển, thềm lục địa. Trong đó, lại có các bậc địa hình nhỏ như các bể mặt san bằng, các cao nguyên xếp tầng, các bậc thểm sông,thểm biển,... | **c) Địa hình có tính chất phân bậc khá rõ rệt**  Địa hình nước ta phần thành nhiều bậc địa hình lớn kế tiếp nhau: núi đồi, đổng bằng, bờ biển, thềm lục địa |
| **d) Địa hình chịu tác động của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa và con người**  **a. Mục tiêu**  Nắm được địa hình nước ta chịu tác động của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa và con người.  **b. Nội dung**  HS làm việc cá nhân/cặp nhóm để trả lời các câu hỏi của GV  **c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS  **d. Cách thức tổ chức** | |
| **Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ  GV yêu cầu HS dựa vào thông tin mục d, hãy cho biết địa hình nước ta chịu tác động của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa và con người như thế nào.  **Bước 2:** Thực hiện nhiệm cá nhân  **Bước 3:** HS trình bày biểu hiện tác động của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa và con người đến địa hình  **Bước 4:** Đánh giá và chốt kiến thức  - Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh  - GV cho HS đọc mục Em có biết để mở rộng kiến thức vẽ động Phong Nha bằng video theo đường link sau  https://phongnhaexplorer.com/phong-nha/vuon-quoc-gia-phong-nha-ke-bang.html  Ngoài ra, GV có thể yêu cầu HS liên hệ vẽ tác động của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa và con người đối với địa hình địa phương, HS dựa vào hiểu biết cá nhân để trả lời.. | **d) Địa hình chịu tác động của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa và con người**  + Đá bị phong hoá mạnh mẽ nên bẽ mặt địa hình được che phủ bởi một lớp vỏ phong hoá dày. Quá trình xâm thực, xói mòn mạnh, càng khiến địa hình bị chia cắt. Bẽ mặt địa hình dễ bị biến đổi do hiện tượng trượt lở đất đá khi mưa lớn theo mùa.  + Lượng mưa lớn làm quá trình hoà tan đá vôi mạnh mẽ, tạo nên các dạng địa hình các-xtơ độc đáo, nước ngầm xầm thực sầu vào lòng núi đá hình thành những hang động lớn.  + Quá trình con người khai thác tài nguyên thiên nhiên, phát triển kinh tế,... làm biến đổi các dạng địa hình tự nhiên, đồng thời tạo ra ngày càng nhiều các dạng địa hình nhân tạo như: đê, đập, hầm mỏ,... |
| **2.2. Tìm hiểu về Các khu vục địa hình.**  **a) Địa hình đồi núi**  a. Mục tiêu  - Trình bày được đặc điểm địa hình của bốn vùng đồi núi ở nước ta: Đông Bắc, Tầy Bắc, Trường Sơn Bắc và Trường Sơn Nam.  - Xác định được trên bẳn đồ các khu vực địa hình đồi núi của nước ta  b. Nội dung: HS hoạt động nhóm  c. Sản Phẩm: phiếu học tập của các nhóm.  d. Cách thức tổ chức | |
| **Bước 1:** Giao nhiệm vụ  - GV phân chia nhóm và hướng dẫn các nhóm hoàn thành phiếu học tập.  + Nhóm 1, 3 Tìm hiểu đặc điểm địa hình vùng Đông Bắc. Và địa hình vùng Tầy Bắc.   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | vùng Đông Bắc | vùng Tầy Bắc | | Giới hạn |  |  | | Độ cao trung bình |  |  | | Hướng các dãy núi và nêu ví dụ |  |  | | Đặc điểm địa hình tiêu biểu |  |  |   + Nhóm 2,4: Tìm hiểu đặc điểm địa hình vùng Trường Sơn Bắc và địa hình vùng Trường Sơn Nam.  Phiếu học tập:   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | vùng Trường Sơn Bắc | vùng Trường Sơn Nam | | Giới hạn |  |  | | Độ cao trung bình |  |  | | Hướng các dãy núi |  |  | | Tên một số dãy núi, đỉnh núi |  |  |   **Bước 2**: HS thực hiện nhiệm vụ  - HS trao đổi và trả lời câu hỏi  **Bước 3**: HS báo cáo kết quả làm việc  - HS trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung  **Bước 4:** Đánh giá và chốt kiến thức  - Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh.  - Chuẩn kiến thức:  - Mở rộng: cho HS chia sẻ thêm thông tin Phan-xi-păng, bạch mã. Sau đó GV cho hS quan sát các video qua đường link sau  + Phan-xi-pang: https://dulichsapa.org.vn/diem-du-lich/phan-xi-pang-sapa/  + Dãy Bạch Mã : https://vnexpress.net/mot-ngay-kham-pha-vuon-quoc-gia-bach-ma-4035745.html | **2. Các khu vục địa hình.**  **a) Địa hình đồi núi**  .  (Bảng chuẩn kiến thức) |
| **BẢNG CHUẨN KIẾN THỨC**   1. **Tìm hiểu đặc điểm địa hình vùng Đông Bắc Và địa hình vùng Tầy Bắc.**  |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **vùng Đông Bắc** | **vùng Tầy Bắc** | | **Giới hạn** | Nằm ở phía bờ trái của sông Hồng, từ dãy núi Con Voi đến vùng đồi núi ven biển  Quảng Ninh | Nằm giữa sông Hồng và sông  Cả | | **Độ cao trung bình** | Là vùng đổi núi thấp, độ cao trung bình phổ biến dưới 1 000 m | Có địa hình cao nhất nước ta với độ cao trung bình 1000 - 2 000 m, nhiều đỉnh cao trên 2 000 m. | | **Hướng các dãy núi và nêu ví dụ** | Gồm những cánh cung núi lớn (Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều) và vùng đồi (trung du) phát triển mở rộng (như ở Phú Thọ, Bắc Giang,... | hướng tầy bắc - đông nam.  dãy Hoàng Liên Sơn, dãy Pu Đen Đinh | | **Đặc điểm địa hình tiêu biểu** | Địa hình các-xtơ khá phổ biến, tạo nên nhũng cảnh quan đẹp như vùng hồ Ba Bể, vịnh Hạ Long. | Tây Bắc là bị chia cắt mạnh. Xen giữa các vùng núi đá vôi là các cánh đồng, thung lũng các-xtơ,... |  1. **Tìm hiểu đặc điểm địa hình vùng Trường Sơn Bắc và địa hình vùng Trường Sơn Nam.**  |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | vùng Trường Sơn Bắc | vùng Trường Sơn Nam | | Giới hạn | Kéo dài từ phía nam sông Cả tới dãy Bạch Mã | Kéo dài từ phía nam sông Cả tới dãy Bạch Mã | | Độ cao trung bình | có độ cao trung bình khoảng 1 000 m, một số ít đỉnh cao trên 2 000 m như: Pu Xai Lai Leng (2 711 m), Rào cỏ (2 235 m). | , độ cao lớn hơn vùng Trường Sơn Bắc  Các khối núi cao nằm ở phía bắc và nam của vùng có nhiều đỉnh cao trên 2 000 m như: Ngọc Linh (2 598 m), Chư Yang Sin (2 405 m), Lang Biang (2 167 m),... | | **Hướng các dãy núi** | Có nhiễu nhánh núi đâm ngang ra biển chia cắt đồng bằng duyên hải miển Trung | có hướng vòng cung, hai sườn đông và tây Trường Sơn Nam không đối xứng | | **Đặc điểm địa hình tiêu biểu** |  | Chuyển tiếp giữa miễn núi, cao nguyên với miển đồng bằng là địa hình bán bình nguyên Đông Nam Bộ với nhũng thễm phù sa cổ, có nơi cao tới 200 m. | | |
| **b) Địa hình đồng bằng**  a. Mục tiêu  Trình bày được đặc điểm của các vùng đồng bằng nước ta: đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng duyên hải miển Trung  b. Nội dung: HS hoạt động cặp đôi để hoàn thành phiếu học tập  c. Sản Phẩm: phiếu học tập  d. Cách thức tổ chức | |
| **Bước 1:** Giao nhiệm vụ  HS thảo luận cặp đôi để thực hiện yêu cầu sau  Quan sát hình 2.6,2.7,2.8 trong SGK và video, Tìm hiểu đặc điểm các đồng bằng nước ta :   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Các khu vực** | **Nguồn gốc, diện tích** | **Đặc điểm** | | Đồng bằng sông Hồng |  |  | | Các đồng bằng duyên hải miển  Trung |  |  | | Đồng bằng sông  Cửu Long |  |  |   **Bước 2**: HS thực hiện nhiệm vụ  - HS trao đổi và trả lời câu hỏi  **Bước 3**: HS báo cáo kết quả làm việc  - HS trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung  **Bước 4:** Đánh giá và chốt kiến thức  - Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh.  - Chuẩn kiến thức: | **b) Địa hình đồng bằng.** |
| **BẢNG CHUẨN KIẾN THỨC**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Các khu vực** | **Nguồn gốc, diện tích** | **Đặc điểm** |  | | Đồng bằng sông Hồng | Có diện tích khoảng  15000 km2, lớn thứ hai nước ta, được hình thành chủ yếu do phù sa hệ thống sông Hồng bồi đắp. | Do có hệ thống đế chống lũ khiến đồng bằng bị chia cắt, tạo thành những ô trũng, khu vực trong đê không còn được bồi đắp tự nhiên. |  | | Các đồng bằng duyên hải miển  Trung | Tổng diện tích khoảng 15 000 km2. Được hình thành từ phù sa sông và phù sa biển bồi đắp | - Các nhánh núi đầm ngang và ăn sát ra biển chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ hẹp, rộng nhất là đồng bằng Thanh Hoá (3 100 km2).  - ít màu mỡ hơn so với hai đổng bằng châu thổ hạ lưu sông do đất có nguồn gốc hỗn hợp từ phù sa sông và phù sa biển, trong đồng bằng có nhiễu cồn cát |  | | Đồng bằng sông  Cửu Long | Có diện tích trên 40 000 km2, lớn nhất nước ta; được bồi đắp bởi phù sa của hệ thống sông Mề Công. | - Phần thượng chầu thổ có địa hình tương đối bằng phẳng với nhiễu gờ đất cao (giồng đất), phẩn hạ châu thổ cao trung bình từ 2 - 3 m so với mực nước biển.  - Trên mặt đồng bằng không có đê lớn để ngăn lũ. Vào mùa lũ, nhiều vùng đất trũng rộng lớn bị ngập úng sâu và khó thoát nước như vùng Đồng Tháp Mười, vùng Tứ giác Long Xuyên. Đồng bằng có hệ thống kềnh rạch tự nhiên và nhân tạo dày đặc có tác dụng tiêu nước, thau chua, rửa mặn |  | | |
| **c) Địa hình bờ biển và thêm lục địa.**  a. Mục tiêu  Trình bày được đặc điểm địa hình bờ biển và thểm lục địa nước ta.  b. Nội dung: HS tham gia trả lời các câu hỏi của GV  c. Sản Phẩm: Câu trả lời của HS  d. Cách thức tổ chức | |
| **Bước 1:** Giao nhiệm vụ  HS đọc thông tin sách SGK và quan sát video về thền lục địa.  + Kể tên các kiểu địa hình bờ biển ở nước ta.  + Nêu đặc điểm địa hình của từng kiểu địa hình bờ biển.  + Vùng thểm lục địa ở các vùng biển nước ta có gì khác nhau?  **Bước 2**: HS thực hiện nhiệm vụ  - HS trao đổi và trả lời câu hỏi  **Bước 3**: HS báo cáo kết quả làm việc  - HS trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung  **Bước 4:** Đánh giá và chốt kiến thức  - Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh.  - Chuẩn kiến thức: | **c) Địa hình bờ biển và thêm lục địa**  + Bờ biển nước ta dài 3 260 km từ Móng cái đến Hà Tiền, có hai kiểu: bờ biển bồi tụ và bờ biển mài mòn.  Bờ biển bồi tụ (tại các chầu thổ sông Hổng, sông Cửu Long) có nhiễu bãi bùn rộng, rừng cây ngập mặn phát triển, thuận lợi cho nuôi trổng thuỷ sản.  Bờ biển mài mòn (tại các vùng chân núi và hải đảo như đoạn bờ biển từ Đà Nẵng đến Vũng Tàu) rất khúc khuỷu, có nhiều vũng, vịnh nước sầu, kín gió và nhiều bãi cát.  + Thẽm lục địa nước ta nông, mở rộng tại các vùng biển Bắc Bộ và Nam Bộ. Ở vùng biển miễn Trung, thểm lục địa sầu hơn và thu hẹp |
| **2.3. Tìm hiểu về Ảnh hưởng của sự phân hoá địahinh đối với sự phân hoá tự nhiên vàkhai thác kinh tế**  ***a) Ảnh hưởng của sự phân hoá địa hình đối với phân hoá tự nhiên***  a. Mục tiêu  Tìm được ví dụ chứng minh ảnh hưởng của sự phần hoá địa hình đối với sự phân hoá lãnh thổ tự nhiên  b. Nội dung:.  c. Sản Phẩm: Câu trả lời của HS  d. Cách thức tổ chức | |
| **Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ  + Địa hình đồi núi thấp là chủ yếu tác động thế nào đến thiên nhiên nước ta?  + Thiên nhiên khu vực đồi núi sẽ có sự phân hoá như thế nào?  + Các dãy núi như Bạch Mã, Hoàng Liên Sơn, Trường Sơn có vai trò như thế nào đến phân vùng tự nhiên?  **Bước 2:** H s khai thác thông tin trong SGK để tìm ra ví dụ chứng minh sự phân hoá địa hình ảnh hưởng đến sự phân hoá thiên nhiên nước ta theo chiểu cao, theo chiểu bắc - nam và theo chiểu đông - tây  **Bước 3:** Báo cáo kết quả  - HS báo cáo kết quả làm việc trước lớp  - HS khác nhận xét, bổ sung  **Bước 4:** Đánh giá và chốt kiến thức  - Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh.  - Chuẩn kiến thức: | **3. Ảnh hưởng của sự phân hoá địahinh đối với sự phân hoá tự nhiên vàkhai thác kinh tế.**  ***a) Ảnh hưởng của sự phân hoá địa hình đối với phân hoá tự nhiên***  + Do địa hình nước ta chủ yếu là đồi núi thấp nên tính nhiệt đới của thiền nhiên được bảo toàn trên phần lớn diện tích lãnh thổ.  + Ở các vùng núi, thiên nhiên có sự phần hoá theo đai cao  + Một số dãy núi có vai trò là bức chắn địa hình tạo nên sự phân hoá thiên nhiên giữa các sườn núi |
| ***b)Ảnh hưởng của sự phân hoá địa hình đối với khai thác kinh tế***  a. Mục tiêu   * Nắm được mỗi khu vực địa hình sẽ có phương thức khai thác kinh tế phù hợp để tận dụng những lợi thế và khắc phục những khó khăn, hướng đến sự phát triển bền vững.   Tìm được *ví* dụ chứng minh ảnh hưởng của sự phân hoá địa hình đối với khai thác kinh tế  b. Nội dung: hs làm việc nhóm.  c. Sản Phẩm: phiếu học tập.  d. Cách thức tổ chức | |
| **Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | Khai thác kinh tế ở khu vực đồi núi | Khai thác kinh tế ở khu vực đồng bằng | Khai thác kinh tế ở vùng biển và thềm lục địa | | Thế mạnh |  |  |  | | Hạn chế |  |  |  |   GV cung cấp thêm một số hình ảnh, video về giá trị khai thác khác nhau của các khu vực địa hình nước ta; có thể cho HS khai thác mục Em có biểt để có thềm thông tin và hoàn thành nhiệm vụ.  **Bước 2:** H s khai thác thông tin trong SGK để tìm ra ví dụ chứng minh sự phân hoá địa hình ảnh hưởng đến sự phân hoá thiên nhiên nước ta theo chiểu cao, theo chiểu bắc - nam và theo chiểu đông - tây  **Bước 3:** Báo cáo kết quả  - HS báo cáo kết quả làm việc trước lớp  - HS khác nhận xét, bổ sung  **Bước 4:** Đánh giá và chốt kiến thức  - Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh.  - Chuẩn kiến thức: | ***b)Ảnh hưởng của sự phân hoá địa hình đối với khai thác kinh tế***  + Do địa hình nước ta chủ yếu là đồi núi thấp nên tính nhiệt đới của thiền nhiên được bảo toàn trên phần lớn diện tích lãnh thổ.  + Ở các vùng núi, thiên nhiên có sự phần hoá theo đai cao  + Một số dãy núi có vai trò là bức chắn địa hình tạo nên sự phân hoá thiên nhiên giữa các sườn núi |
| **BẢNG CHUẨN KIẾN THỨC**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | **khu vực đồi núi** | **khu vực đồng bằng** | **vùng biển và thềm lục địa** | | Thế mạnh | - Đối với nông nghiệp, lâm nghiệp: có nguồn lâm sản phong phú thuận lợi phát triển ngành lâm nghiệp; các đồng cỏ tự nhiên rộng lớn tạo điều kiện phát triển chăn nuôi gia súc lớn; thổ nhưỡng và khí hậu thích hợp cho cây công nghiệp lâu năm, cầy ăn quả;..  - Đối với công nghiệp: có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú đa dạng, tạo điểu kiện thuận lợi phát triển các ngành công nghiệp khai thác khoáng sản, luyện kim,... Sông ngòi chảy qua địa hình miền núi, nhiẽu thác ghểnh nên có tiềm năng thuỷ điện rất lớn.  - Đối với du lịch: có khí hậu mát mẻ, cảnh quan đa dạng và đặc sắc, là cơ sở để hình thành các địa điểm du lịch có giá trị | Có địa hình bằng phẳng, đất màu mỡ, nguồn nước dồi dào, dân cư đông đúc nên thuận lợi phát triển các ngành kinh tế.  - Đối với ngành nông nghiệp, thuỷ sản: là vùng trổng cây lương thực, thực phẩm, chăn nuôi gia súc nhỏ và gia cầm, đánh bắt và nuôi trồng thuỷ sản,... chủ yếu của cả nước.  - Thuận lợi cho xây dựng cơ sở hạ tầng và cư trú nền hình thành nhiễu trung tâm kinh tế lớn. | Vùng biển và thẽm lục địa của nước ta thuận lợi để phát triển các ngành kinh tế biển, bao gồm: khai thác và nuôi trồng thuỷ sản, giao thông vận tải biển, khai thác dầu khí, khai thác năng lượng gió và thuỷ triều, du lịch biển - đảo. | | Hạn chế | Địa hình bị chia cắt mạnh gây khó khăn cho giao thông và cần chú ý đến công tác phòng chống thiên tai như lũ quét, sạt lở,... | Do lịch sử khai thác lâu đời và dân cư tập trung đông đúc nên tài nguyên thiên nhiên bị khai thác quá mức, môi trường một số nơi bị suy thoái,... | Chịu tác động bởi các thiền tai như bão, sạt lở bờ biển,... Trong quá trình khai thác cẩn chú ý đến vấn để bảo vệ môi trường biển, bảo tồn sự đa dạng sinh học của các hệ sinh thái biển,... | | |
| **3. Hoạt động luyện tập**  **a. Mục tiêu**  Củng cố về nội dung đặc điểm địa hình của Việt Nam.  Củng cố vể nội dung đặc điểm các khu vực địa hình của Việt Nam  **b. Nội dung**  HS tham gia trả lời hệ thống câu hỏi trắc nghiệm.  **c. Sản phẩm:**  **d. Cách thức tổ chức**  **Bước 1**: Giao nhiệm vụ cho học sinh:  HS lần lượt tham gia trả lời các câu hỏi trắc nghiệm  **Bước 2**: Thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3**: Báo cáo kết quả làm việc  **Bước 4:** GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức | |
| **4. Hoạt động vận dụng, mở rộng**  **a. Mục tiêu**  - Phát triển năng lực tìm hiểu Địa lí, vận dụng kiến thức, kĩ năng Địa lí vào cuộc sống, năng lực tự chủ và tự học.  - Nâng cao khả năng tìm hiểu kiến thức thông qua sách, báo, internet phục vụ học tập.  **b. Nội dung**  HS tìm kiếm thông tin trên báo, mạng về  **c. Sản Phẩm**  Hình ảnh, video  **d. Cách thức tổ chức**  - GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện ở nhà dưới sự hướng dẫn tìm kiếm các thông tin của GV.  HS trình bày báo cáo kết quả trước lớp vào giờ học hôm sau. | |

**Bài 3. Khoáng sản Việt Nam (4 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

1. Kiến thức

- Trình bày và giải thích được đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản Việt Nam.

- Phân tích được đặc điểm phân bố các loại khoáng sản chủ yếu và vấn đẽ sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản.

2. Năng lực

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học: Tự học và hoàn thiện các nhiệm vụ thông qua phiếu học tập.

+ Giao tiếp và hợp tác: Sử dụng ngôn ngữ, kết hợp với các công cụ học tập để trình bày thông tin, thảo luận nhóm.

+ Giải quyết vấn đề sáng tạo.

- Năng lực Địa lí

Sử dụng bản đồ Khoáng sản Việt Nam để xác định sự phân bố của một số khoáng sản chính ở Việt Nam

3. Phẩm chất

- Có ý thức sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên khoáng sản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. Đối với giáo viên.

- Bản đồ phân bố một số khoáng sản ở Việt Nam

- Tranh ảnh, video về khoáng sản, mỏ khoáng sản ở Việt nam

- Phiếu học tập

2. Đối với học sinh.

Sách và vở ghi

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Hoạt động khởi động**  **a. Mục tiêu**  - Cung cấp thông tin, tạo kết nối giữa kiến thức của HS về khoáng sản Việt Nam với nội dung bài học.  - Tạo hứng thú, kích thích tò mò của người học  **b. Nội dung**  HS xem video và kể tên các loại khoáng sản mà bản thân quan sát được  **c. Sản phẩm**  - Câu trả lời cá nhân của học sinh.  **d. Cách thức tổ chức**  **Bước 1**: Giao nhiệm vụ  HS quan sát video, ghi chép lại các loại khoáng sản quan sát được  **Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3:** Báo cáo kết quả  **Bước 4:** Đánh giá và chốt kiến thức, và kết nối vào bài học | |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới.** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** |
| **2.1. Tìm hiểu về Đặc điểm chung của khoáng sản Việt Nam**  **a. Mục tiêu**  Trình bày và giải thích được đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản Việt Nam  **b. Nội dung**  HS làm việc cá nhân/cặp nhóm để trả lời các câu hỏi của GV  **c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS  **d. Cách thức tổ chức** | |
| **Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ  GV yêu cẩu HS khai thác thông tin trong mục và suy nghĩ trả lời những câu hỏi sau:  *+ Khoáng sản nước ta có nhiều chủng loại không?*  *+ Các mỏ khoáng sản nước ta có trữ lượng như thế nào?*  *+ Khoáng sản phần bố tập trung ở những khu vực nào?*  **Bước 2:** Thực hiện nhiệm cá nhân  **Bước 3:** Báo cáo kết quả  **Bước 4:** Đánh giá và chốt kiến thức  - Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh.  - GV cho HS tìm hiểu mục Em có biết. GV có thể cung cấp thềm cho HS hình ảnh một số loại khoáng sản, mỏ khoáng sản ở Việt Nam để HS có cái nhìn trực quan hơn. | **1. Đặc điểm chung của khoáng sản Việt Nam.**  + Cơ cấu: Khoáng sản nước ta khá phong phú và đa dạng. Có hơn 60 loại khoáng sân khác nhau (năng lượng, kim loại, phi kim loại) đã thăm dò được trên lãnh thổ nước ta.  + Trữ lượng: Phần lớn các mỏ khoáng sản có trữ lượng trung bình và nhỏ, gầy khó khăn cho việc khai thác và công tác quản lí tài nguyên khoáng sản.  + Phần bố: Khoáng sản nước ta tập trung chủ yếu ở miền Bắc, miền Trung và Tây Nguyên |
| **2.2. Tìm hiểu về** **Đặc điểm phân bố các loại khoáng sản chủ yếu .**  a. Mục tiêu  - Xác định được sự phân bố các loại khoáng sản chủ yếu trên bản đồ.  - Phân tích được đặc điểm phân bố các loại khoáng sản chủ yếu.  b. Nội dung: HS thảo luận cặp đôi để hoàn thành phiếu học tập và lên xác định các loại khoáng sản trên lược đồ  c. Sản Phẩm: Câu trả lời của HS  d. Cách thức tổ chức | |
| **Bước 1:** Giao nhiệm vụ  HS quan sát lược đồ hình 3.3 và thông tin SGK cho biết đặc điểm phân bố các lạo khoáng sản chủ yếu của nước ta   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Tên khoáng sản | Trữ lượng | Phân bố | |  |  |  | |  |  |  | |  |  |  | |  |  |  |   **Bước 2**: HS thực hiện nhiệm vụ  - HS trao đổi và trả lời câu hỏi  **Bước 3**: HS báo cáo kết quả làm việc  - HS trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung  **Bước 4:** Đánh giá và chốt kiến thức  - Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh.  - Chuẩn kiến thức:  - GV giới thiệu 1 số hình ảnh 1 số loại khoáng sản và sự phân bố của chúng | **2.** **Đặc điểm phân bố các loại khoáng sản chủ yếu .**  . |
| **BẢNG CHUẨN KIẾN THỨC**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Tên khoáng sản | Trữ lượng | Phân bố | | Than đá | khoảng 7 tỉ tấn | Chủ yếu ở bể than Quảng Ninh | | Dầu mỏ và khí tự nhiên | Tổng trữ lượng khoảng 10 tỉ tấn dầu | Vùng thềm lục địa phía đông nam | | Bô-xít | Tổng trữ lượng khoảng 9,6 tỉ tấn | Tập trung ở Tầy Nguyên (Đẳk Nông, Lầm Đồng, Gia Lai, Kon Tum,...), ngoài ra còn có ở một số tỉnh phía bắc (Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang,...) | | Sắt | Tổng trữ lượng khoảng 1,1 tỉ tấn | chủyếuởkhuvực Đông Bắc (Thái Nguyên, Lào Cai, Hà Giang),... và Bắc Trung Bộ (Hà Tĩnh | | Đá vôi | Tổng trữ lượng lên đến 8 tỉ tấn | phân bố chủ yếu ở vùng núi phía Bắc và Bắc Trung Bộ | | |
| **2.3. Tìm hiểu về Vấn đê sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản**  a. Mục tiêu  Phân tích được vấn để sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản  b. Nội dung: HS quan sát video rồi trả lời câu hỏi  c. Sản Phẩm: Câu trả lời của HS  d. Cách thức tổ chức | |
| **Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ  GV cho HS quan sát video về hiện trạng khai thác khoáng sản ở nước ta.  <https://vtv.vn/kinh-te/khai-thac-khoang-san-viet-nam-vua-yeu-vua-thieu-20151216155642968.htm>  - GV có thể đặt các câu hỏi gợi mở cho HS:  + Cho biết vai trò của tài nguyên khoáng sản ở nước ta.  + Vì sao phải sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản?  + Nêu những giải pháp để sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản ở nước ta  **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ nhóm  **Bước 3:** Báo cáo kết quả  - HS báo cáo kết quả làm việc trước lớp  - HS khác nhận xét, bổ sung  **Bước 4:** Đánh giá và chốt kiến thức  - Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh.  - Chuẩn kiến thức: | **3. Vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản**  + Hiện trạng: Nhiều mỏ khoáng sản ở nước ta đã được đưa vào khai thác, tuy nhiên việc khai thác và sử dụng khoáng sản còn chưa hợp lí, nhiều nơi công nghệ khai thác còn lạc hậu, ... gây lãng phí, ảnh hưởng xấu đến môi trường và phát triển bền vững. Một số loại khoáng sản bị khai thác quá mức dẫn tới nguy cơ cạn kiệt, vì vậy cần phải sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản.  + Một số giải pháp  . Phát triển các hoạt động điểu tra, thăm dò; khai thác, chế biến; giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường sinh thái và cảnh quan.  . Đẩy mạnh đẩu tư, hình thành ngành khai thác, chế biến đồng bộ, hiệu quả với công nghệ tiên tiến, thiết bị hiện đại.  . Hạn chế xuất khẩu khoáng sản thô.  . Bảo vệ khoáng sản chưa khai thác và sử dụng tiết kiệm tài nguyên khoáng sản.  . Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong hoạt động khai thác và sử dụng khoáng sản |
| **3. Hoạt động luyện tập**  **a. Mục tiêu**  Củng cố về nội dung đặc điểm khoáng sản của Việt Nam  **b. Nội dung**  HS hoàn thành sơ đồ thể hiện sự đa dạng cảu tài nguyên khoáng sản Việt Nam  **c. Sản phẩm:**  **d. Cách thức tổ chức**  **Bước 1**: Giao nhiệm vụ cho học sinh:  GV cho HS làm việc cá nhân để thực hiện nhiệm vụ, yêu cầu HS lập sơ đồ thể hiện sự đa dạng của tài nguyên khoáng sản Việt Nam  **Bước 2**: Thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3**: Báo cáo kết quả làm việc  Đại diện các nhóm lên trính bày sơ đồ tư duy của nhóm mình  **Bước 4:** GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức | |
| **4. Hoạt động vận dụng, mở rộng**  **a. Mục tiêu**  - Phát triển năng lực tìm hiểu Địa lí, vận dụng kiến thức, kĩ năng Địa lí vào cuộc sống, năng lực tự chủ và tự học.  - Nâng cao khả năng tìm hiểu kiến thức thông qua sách, báo, internet phục vụ học tập  **b. Nội dung**  HS tìm kiếm thông tin trên báo, mạng về  **c. Sản Phẩm**  Hình ảnh, video  **d. Cách thức tổ chức**  - HS thu thập thông tin và viết bài trình bày ngắn vẽ một loại khoáng sản chủ yếu ở Việt Nam (ý nghĩa, trữ lượng, phân bố, tình hình khai thác, sử dụng,...).  - GV có thể hướng dẫn HS cách tìm kiếm thông tin, gợi ý một số ý chính để HS có thể hoàn thành nhiệm vụ.  HS trình bày báo cáo kết quả trước lớp vào giờ học hôm sau. | |

**Chương 2. KHÍ HẬU VÀ THUỶ VĂN VIỆT NAM (15 tiết)**

**Bài 4. Khí hậu Việt Nam (3 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

1. Kiến thức

- Trình bày được đặc điểm khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa của Việt Nam.

- Chứng minh được sự phân hoá đa dạng của khí hậu Việt Nam.

2. Năng lực

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học: Tự học và hoàn thiện các nhiệm vụ thông qua phiếu học tập.

+ Giao tiếp và hợp tác: Sử dụng ngôn ngữ, kết hợp với các công cụ học tập để trình bày thông tin, thảo luận nhóm.

+ Giải quyết vấn đề sáng tạo.

- Năng lực Địa lí

- Khai thác được bản đồ, bảng số liệu, biểu đồ khí hậu để chứng minh, trình bày tính chất của khí hậu Việt Nam.

3. Phẩm chất

Yêu thiên nhiên Việt Nam, có những biện pháp bảo vệ bản thân trước sự khắc nghiệt của thời tiết.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. Đối với giáo viên.

Bản đồ khí hậu Việt Nam

- Các bảng số liệu, biểu đổ khí hậu ở một số trạm khí tượng trong cả nước

- Phiếu học tập

2. Đối với học sinh.

Sách GK và vở ghi

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Hoạt động khởi động**  **a. Mục tiêu**  - Cung cấp thông tin, tạo kết nối giũa kiến thức của HS vể thời tiết và khí hậu ở địa phương và Việt Nam với nội dung bài học.  - Tạo hứng thú, kích thích tò mò của người học  **b. Nội dung**  HS nêu cảm nhận thời tiết ở địa phương em? Ở những nơi em đã đặt chân?  **c. Sản phẩm**  - Câu trả lời cá nhân của học sinh.  **d. Cách thức tổ chức**  **Bước 1**: Giao nhiệm vụ  - GV có thể sử dụng phương pháp đàm thoại gợi mở, sử dụng các cầu hỏi như: Thời tiết, khí hậu ở địa phương em như thế nào? Mô tả thời tiết các mùa khí hậu ở địa phương em?... HS từ những quan sát, hiểu biết cá nhân vể thời tiết, khí hậu ở địa phương để rút ra những biểu hiện vẽ tính chất của khí hậu Việt Nam  **Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3:** Báo cáo kết quả  **Bước 4:**  GV thống kê câu trả lời của HS trên bảng  Đánh giá và chốt kiến thức, và kết nối vào bài học | |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới.** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** |
| **2.1. Tìm hiểu về Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa**  **a) Tính chất nhiệt đới**  **a. Mục tiêu**  - Trình bày được tính chất nhiệt đới của khí hậu Việt Nam.  - Rèn luyện kĩ năng phân tích bảng số liệu.  **b. Nội dung**  HS làm việc cá nhân/cặp nhóm để trả lời các câu hỏi của GV  **c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS  **d. Cách thức tổ chức** | |
| **Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ  GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, khai thác bảng 4.1 để trình bày được tính chất nhiệt đới của khí hậu Việt Nam  + Tính chất nhiệt đới được thể hiện qua các yếu tố nào?  + Tính chất nhiệt đới ở hai trạm khí tượng Lạng Sơn và Cà Mau được thể hiện như thế nào? (nhiệt độ trung bình năm)  **Bước 2:** Thực hiện nhiệm cá nhân  **Bước 3:** Báo cáo kết quả  **Bước 4:** Đánh giá và chốt kiến thức  - Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh | **1.** **Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa .**  **a) Tính chất nhiệt đới**  + Nhiệt độ không khí trung bình năm cả nước trên 20°C và tăng dần từ bắc vào nam.  + Số giờ nắng đạt từ 1400 –  3000 giờ/năm, cán cần bức xạ từ 70 - 100 kcal/cm2/năm |
| **b) Tĩnh chất ẩtn**  **a. Mục tiêu**  Nêu được tính chất ẩm của khí hậu Việt Nam.  - Rèn luyện kĩ năng phân tích bảng số liệu.  **b. Nội dung**  HS làm việc cá nhân/cặp nhóm để trả lời các câu hỏi của GV  **c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS  **d. Cách thức tổ chức** | |
| **Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong mục, phân tích bảng 4.2 để rút ra kết luận khí hậu Việt Nam có tính chất ẩm.  - GV hướng dẫn HS cách phân tích bảng:  + Quan sát hàng thể hiện lượng mưa: HS có thể cộng tổng lượng mưa các tháng, nhận xét những tháng mưa ít, những tháng mưa nhiễu.  + Quan sát hàng thể hiện độ ẩm: nhận xét vể độ ẩm trung bình: hầu hết độ ẩm trung bình tháng đểu trên 80%.  **Bước 2:** Thực hiện nhiệm cá nhân  **Bước 3:** Báo cáo kết quả  **Bước 4:** Đánh giá và chốt kiến thức  - Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh | **b) Tính chất ẩm**  + Độ ẩm không khí rất cao, trung bình trên 80%.  + Lượng mưa lớn, trung bình dao động từ 1500 - 2000 mm/năm. |
| **c) Tỉnh chất gió mùa**  **a. Mục tiêu**  - Trình bày được tính chất gió mùa của khí hậu Việt Nam.  - Rèn luyện kĩ năng khai thác thông tin địa lí từ bản đồ khí hậu Việt Nam.  **b. Nội dung**  HS làm việc cặp nhóm để hoàn thành phiếu học tập.  **c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS  **d. Cách thức tổ chức** | |
| **Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ  Gv giới liệu thiệu lược đồ khí hậu Việt Nam  GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, khai thác bảng 4.1 để trình bày được tính chất gió mùa của khí hậu Việt Nam   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Gió mùa đông | Gió mùa hạ | | Thời gian hoạt động |  |  | | Nguồn gốc |  |  | | Hướng |  |  | | Tác động, ảnh hưởng |  |  |   **Bước 2:** Thực hiện nhiệm cá nhân  **Bước 3:** Báo cáo kết quả  **Bước 4:** GV cho HS khai thác hình 4.1 để hoàn thành nhiệm vụ. GV yêu cẩu HS xác định trên bản đồ hướng gió mùa hạ, hướng gió mùa đông và gió Tầy khô nóng. Đồng thời, yêu cầu HS xác định mùa bão trong năm và các tháng tập trung nhiễu bão. Qua việc khai thác lược đồ, HS có thể rút ra kết luận: | **c) Tính chất gió mùa**  + Gió mùa hạ có hướng tây nam là chủ yếu.  + Gió mùa đông có hướng đông bắc.  + Mùa bão ở nước ta thường bắt đầu từ tháng ố đến tháng 12, bão thường tập trung nhiều nhất vào các tháng 8,9,10. |
| **BẢNG CHUẨN KIẾN THỨC.**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Gió mùa đông** | **Gió mùa hạ** | | **Thời gian hoạt động** | Từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau | Từ tháng 5 đến tháng 10 | | **Nguồn gốc** | Từ phía Bắc di chuyển xuống | Giữa và cuối mùa hạ từ bán cẩu Nam di chuyển lên | | **Hướng** | Đông bắc là chủ yếu | Tầy nam là chủ yếu | | **Tác động, ảnh hưởng** | - Ở miển Bắc: tạo nền một mùa đông lạnh (nửa đầu mùa đông có thời tiết lạnh, khô; nửa cuối mùa đông có thời tiết lạnh, ầm).  - Ở miền Nam: Tín phong bán cầu Bắc có hướng đông bắc chiếm ưu thế gầy mưa lớn ở vùng ven biển Nam Trung Bộ; khô nóng ở Tây Nguyên và Nam Bộ | - Đầu mùa hạ, gây mưa lổn cho đồng bằng Nam Bộ và Tây Nguyên. Khi vượt qua dãy Trường Sơn và các dãy núi chạy dọc biên giới Việt - Lào, tính chất của gió thay đổi do hiệu ứng phơn khiến phía đông dãy Trường Sơn và phía nam khu vực Tầy Bắc có thời tiết khô nóng (gió Tây khô nóng).  - Vào giữa và cuối mùa hạ, tạo nên thời tiết nóng ẩm, mưa nhiễu phổ biến trên cả nước. Hiện tượng thời tiết cực đoan trong mùa này là bão kèm theo mưa lớn | | |
| **2.2. Tìm hiểu về Sự phân hoá đa dạng của khí hậu Việt Nam .**  a. Mục tiêu  - Chứng minh được sự phần hoá đa dạng của khí hậu Việt Nam.  - Phần tích được bảng số liệu và biểu đồ nhiệt độ - lượng mưa để rút ra sự phần hoá khí hậu theo chiểu vĩ độ và theo độ cao.  b. Nội dung: HS làm việc nhóm  c. Sản Phẩm: phiếu học tập  d. Cách thức tổ chức | |
| **Bước 1:** Giao nhiệm vụ  GV chia nhóm thảo luận  Hướng dẫn các nhóm hoàn thành nhiệm vụ   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Nhóm | Sự phân hoá của khí hậu | Đặc điểm | | 1,3 | Theo chiều bắc – nam |  | | 2,4 | Theo chiều đông – tây |  | | 5,6 | Theo độ cao |  |   **Bước 2**: HS thực hiện nhiệm vụ  - HS trao đổi và trả lời câu hỏi  **Bước 3**: HS báo cáo kết quả làm việc  - HS trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung  **Bước 4:** Đánh giá và chốt kiến thức  - Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh.  - Chuẩn kiến thức:  - GV đưa ra câu hỏi thảo luận: *các nguyên nhân tạo nên sự phần hoá đa dạng của khí hậu Việt Nam*.  (+ Vị trí và hình dạng lãnh thổ: trong khu vực nội chí tuyến, vùng hoạt động của gió mùa chầu Á, lãnh thổ trải dài theo chiểu bắc - nam.  + Ảnh hưởng của địa hình: gầy ra sự phân hoá theo hướng sườn, theo độ cao và phần hoá địa phương ) | **2. Sự phân hoá đa dạng của khí hậu Việt Nam.**  . |
| **BẢNG CHUẨN KIẾN THỨC.**   |  |  | | --- | --- | | Sự phân hoá của khí hậu | Đặc điểm | | Theo chiều bắc – nam | + Miền khí hậu phía Bắc, từ dãy Bạch Mã (vĩ tuyến 16°B) trở ra: nhiệt độ không khí trung bình năm trên 20°C, mùa đông chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc nên có 2 đến 3 tháng lạnh với nhiệt độ trung bình tháng dưới 18°c, nửa đầu mùa đông tương đối khô và nửa cuối mùa đông ẩm ướt; mùa hè nóng, ẩm và mưa nhiều.  + Miền khí hậu phía Nam, từ dãy Bạch Mã (vĩ tuyến 16°B) trở vào: nhiệt độ trung bình năm trên 25°c, không có tháng nào dưới 20°C, biên độ nhiệt độ trung bình năm nhỏ hơn 9°c, có một mùa mưa và một mùa khô rõ rệt | | Theo chiều đông – tây | Theo chiều đông - tây, khí hậu nước ta có sự phần hoá giữa vùng biển và đất liền, giũa phía đông và phía tây của các dãy núi | | Theo độ cao | Ở dưới thấp (miền Bắc đến độ cao 600 - 700 m, miền Nam đến độ cao 900 - 1 000 m) có khí hậu nhiệt đới gió mùa. Mùa hạ nóng, nhiệt độ trung bình các tháng mùa hạ đều trên 25°c. Độ ẩm và lượng mưa thay đổi tuỳ nơi.  Lên cao hơn (đến dưới 2 600 m) có khí hậu cận nhiệt đới gió mùa trên núi. Nhiệt độ trung bình các tháng đểu dưới 25°c, lượng mưa và độ ẩm tăng lên.  Từ độ cao 2 600 m trở lên có khí hậu ôn đới gió mùa trên núi, tất cả các tháng đểu có nhiệt độ trung bình dưới 15°c. | | |
| **3. Hoạt động luyện tập**  **a. Mục tiêu**  Củng cố kiến thức về đặc điểm nhiệt đới ẩm gió mùa và sự phân hoá đa dạng của khí hậu Việt Nam  **b. Nội dung**  hãy nhận xét sự khác nhau về chế độ nhiệt (nhiệt độ trung bình năm; nhiệt độ trung bình tháng nóng nhất, lạnh nhất; biên độ nhiệt độ năm) giữa Lạng Sơn và Cà Mau.  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  **d. Cách thức tổ chức**  **Bước 1**: Giao nhiệm vụ cho học sinh:  Dựa vào bảng 4.1, hãy nhận xét sự khác nhau về chế độ nhiệt (nhiệt độ trung bình năm; nhiệt độ trung bình tháng nóng nhất, lạnh nhất; biên độ nhiệt độ năm) giữa Lạng Sơn và Cà Mau theo bảng hướng dẫn sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Yếu tố khí tượng | Lạng sơn | Cà mau | | Nhiệt độ trung bình năm (°c) |  |  | | Nhiệt độ trung bình tháng nóng nhất (°c) |  |  | | Nhiệt độ trung bình tháng lạnh nhất (°c) |  |  | | Biên độ nhiệt độ năm (°c) |  |  |   **Bước 2**: Thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3**: Báo cáo kết quả làm việc  **Bước 4:** GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức  sự khác nhau vé chế độ nhiệt (nhiệt độ trung bình nảm; nhiệt độ trung bình tháng nóng nhất, lạnh nhất; biên độ nhiệt độ năm) giữa Lạng Sơn và Cà Mau   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Yếu tố khí tượng | Lạng sơn | Cà mau | | Nhiệt độ trung bình năm (°c) | 21,3 | 27,1 | | Nhiệt độ trung bình tháng nóng nhất (°c) | 27,1 | 28,5 | | Nhiệt độ trung bình tháng lạnh nhất (°c) | 13,1 | 25,6 | | Biên độ nhiệt độ năm (°c) | 14,0 | 2,9 |   Nhận xét: Lạng Sơn và Cà Mau có sự khác biệt vể chế độ nhiệt.  + Lạng Sơn nằm ở miền khí hậu phía Bắc nên có nhiệt độ trung bình năm, nhiệt độ trung bình tháng nóng nhất và tháng lạnh nhất thấp hơn so với Cà Mau. Biên độ nhiệt độ năm cao.  + Cà Mau nằm ở miền khí hậu phía Nam nên nhiệt độ trung bình năm và các tháng cao hơn so với Lạng Sơn. Biền độ nhiệt độ năm thấp. | |
| **4. Hoạt động vận dụng, mở rộng**  **a. Mục tiêu**  Phát triển các năng lực tự chủ và tự học, năng lực tìm hiểu địa lí và đặc biệt năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng địa lí vào cuộc sống.  **b. Nội dung**  HS tìm kiếm thông tin trên báo, mạng về  **c. Sản Phẩm**  Hình ảnh, video  **d. Cách thức tổ chức**  - GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện ở nhà dưới sự hướng dẫn tìm kiếm các thông tin của GV.  HS trình bày báo cáo kết quả trước lớp vào giờ học hôm sau. | |

**Bài 5. Thực hành: Vẽ và phân tích biểu đồ khí hậu (2tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

1. Kiến thức

- Vẽ và phân tích được biểu đồ khí hậu của một số trạm thuộc các vùng khí hậu khác nhau.

2. Năng lực

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học: Tự học và hoàn thiện các nhiệm vụ thông qua phiếu học tập.

+ Giao tiếp và hợp tác: Sử dụng ngôn ngữ, kết hợp với các công cụ học tập để trình bày thông tin, thảo luận nhóm.

+ Giải quyết vấn đề sáng tạo.

- Năng lực Địa lí

- Năng lực nhận thức Địa lí: năng lực nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, phân tích được sự khác nhau vể khí hậu giữa 3 địa điểm Hà Nội, Thành phố Hồ chí Minh, Trường Sa (Khánh Hoà).

- Năng lực tìm hiểu Địa lí: vẽ và phân tích được biểu đồ khí hậu để rút ra đặc điểm khí hậu tại địa điểm đó.

- Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng Địa lí vào cuộc sống.

- Năng lực chung: năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn để.

3. Phẩm chất

Có ý thức phòng chống thiên tai.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. Đối với giáo viên.

- Biểu đồ khí hậu của một số trạm khí tượng

- Bảng số liệu nhiệt độ, lượng mựa trụng-bình các tháng trong năm của một số trạm

2. Đối với học sinh.

Sách GK và vở ghi

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Hoạt động khởi động**  **a. Mục tiêu**  - Cung cấp thông tin, tạo kểt nối giữa kiển thức của HS vẽ biểu đồ khí hậu với nội dung bài học.  - Tạo hứng thú, kích thích tò mò của người học.  **b. Nội dung**  HS nêu hiểu biết cảu bản thân về các dạng biểu đồ, cách vẽ biểu đồ  **c. Sản phẩm**  - Câu trả lời cá nhân của học sinh.  **d. Cách thức tổ chức**  **Bước 1**: Giao nhiệm vụ  - GV có thể gợi mở cho HS: Để minh ho ạ cho khí hậu ở một địa phương, người ta dùng biểu đồ khí hậu. Vậy biểu đồ khí hậu được vẽ như thế nào? Bài học này sẽ giúp chúng ta biết cách vẽ và phân tích biểu đồ khí hậu.  **Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3:** Báo cáo kết quả  **Bước 4:** Đánh giá và chốt kiến thức, và kết nối vào bài học | |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới.** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** |
| **2.1. Tìm hiểu về Vẽ biểu đồ khí hậu**  **a. Mục tiêu**  Vẽ được biểu đồ khí hậu của một số trạm thuộc các ràng khí hậu khác nhau  **b. Nội dung**  HS làm việc cá nhân/cặp nhóm để trả lời các câu hỏi của GV  **c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS  **d. Cách thức tổ chức** | |
| **Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ  HS làm việc cá nhân.  - GV có thể cho HS quan sát một số biểu đồ khí hậu và đưa ra một số cầu hỏi gợi mở: Biểu đồ gồm những yếu tố nào? Nhiệt độ, lượng mưa được thể hiện như thế nào?...  - GV hướng dẫn HS phần tích các yếu tố của biểu đồ để rút ra được cách vẽ. Sau đó, GV chốt kiến thức: Đây là biểu đồ kết hợp cột và đường. Trong đó:  + Trục tung bên trái thể hiện nhiệt độ, đường nhiệt độ màu đỏ.  + Trục tung bên phải thể hiện lượng mưa, cột lượng mưa màu xanh.  + Trục hoành thể hiện thời gian (các tháng trong năm).  HS làm việc nhóm.   * GV chia lớp thành 3 nhóm, dựa vào bảng số liệu trong SGK để vẽ biểu đồ khí hậu.   + Nhóm 1: trạm khí tượng Láng  + Nhóm 2: trạm khí tượng Tân Sơn Hoà  + Nhóm 3: trạm khí tượng Trường Sa   * GV lưu ý khi vẽ, HS cần chia đơn vị ở hai trục tung và trục hoành cho cân đối.   Sau khi các nhóm hoàn thành và trình bày kết quả, GV chuẩn kiến thức và kĩ năng cho HS; lưu ý và chỉnh sửa những lỗi HS hay mắc phải khi vẽ biểu đồ khí hậu  **Bước 2:** Thực hiện nhiệm cá nhân  **Bước 3:** Báo cáo kết quả  **Bước 4:** Đánh giá và chốt kiến thức  - Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh. | **1. Vẽ biểu đồ khí hậu.** |
|  | |
| **2.2. Tìm hiểu về Phân tích biểu đồ khỉ hậu.**  a. Mục tiêu  - Phân tích được biểu đồ khí hậu của một số trạm thuộc các vùng khí hậu khác nhau  b. Nội dung: HS hoàn thành phiếu học tập  c. Sản phẩm: phiếu học tập.  d. Cách thức tổ chức | |
| **Bước 1:** Giao nhiệm vụ  GV phân chia nhóm thảo luận và hướng dẫn hoàn thành phiếu.  + Nhóm 1,2: Phần tích biểu đồ trạm khí tượng Láng  + Nhóm 3,4: Phần tích biểu đồ trạm khí Tân Sơn Hà  + Nhóm 5,6: Phần tích biểu đồ trạm khí tượng Trường Sa.  **PHIẾU HỌC TẬP**  Phần tích biểu đồ trạm khí tượng ……..  Nhóm : …………..   |  |  | | --- | --- | | Phần tích biểu đồ trạm khí tượng |  | | Số tháng lạnh (dưới 18°C) |  | | Tổng lượng mưa trung bình năm (mm) |  | | Khoảng thời gian mùa mưa |  | | Độ dài mùa mưa |  |   **Bước 2**: HS thực hiện nhiệm vụ  - HS trao đổi và trả lời câu hỏi  **Bước 3**: HS báo cáo kết quả làm việc  - HS trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung  **Bước 4:** Đánh giá và chốt kiến thức  - Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh.  - Chuẩn kiến thức:  - Dựa vào nội dung trình bày của ba nhóm, GV yêu cẩu HS so sánh và nhận xét về khí hậu của ba địa điểm. GV lắng nghe, nhận xét và chuẩn kiến thức | **2.** **Phân tích biểu đồ khỉ hậu .**  . |
| **BẢNG CHUẨN KIẾN THỨC.**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Yếu tố khí tượng** | **Trạm** | | | | **Láng**  **(TP Hà Nội)** | **Tân Sơn Hoà**  **(TP Hồ Chí Minh)** | **Trường Sa (Khánh Hoà)** | | Nhiệt độ trung bình năm (°C) | **23,9** | **28,1** | **28,2** | | Số tháng lạnh (dưới 18°C) | 2 tháng | **0** tháng | 0 tháng | | Tổng lượng mưa trung bình năm (mm) | **1 670,0** | **1 963,6** | **2 747,1** | | Khoảng thời gian mùa mưa | **Từ tháng 5 đến** tháng 10 | Từ tháng 5 đến tháng 11 | Từ tháng 5 đến tháng 1 | | Độ dài mùa mưa | 6 tháng | 7 tháng | 9 tháng | | |
| **3. Hoạt động luyện tập**  **a. Mục tiêu**  - Củng cố, luyện tập cho HS  **b. Nội dung**  - Phân tích thêm 1 số biểu đồ  **c. Sản phẩm:**  **d. Cách thức tổ chức**  **Bước 1**: Giao nhiệm vụ cho học sinh:  HS quan sát và thảo luận cặp đôi  **Bước 2**: Thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3**: Báo cáo kết quả làm việc  **Bước 4:** GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức | |
| **4. Hoạt động vận dụng, mở rộng**  **a. Mục tiêu**  Mở rộng kiến thức cho HS về biểu đồ nhiệt độ lượng mưa của tỉnh em.  **b. Nội dung**  HS tìm kiếm thông tin trên báo, mạng về  **c. Sản Phẩm**  Hình ảnh, video  **d. Cách thức tổ chức**  - GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện ở nhà dưới sự hướng dẫn tìm kiếm các thông tin của GV.  HS trình bày báo cáo kết quả trước lớp vào giờ học hôm sau. | |

**Bài 6. Thuỷ văn Việt Nam (5tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

1. Kiến thức

- Xác định được trên bản đồ lưu vực của các hệ thống sông lớn.

- Phân tích được đặc điểm mạng lưới sông và chế độ nước sông của một số hệ thống sông lớn.

- Phân tích được vai trò của hồ, đầm và nước ngầm đối với sản xuất và sinh hoạt.

2. Năng lực

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học: Tự học và hoàn thiện các nhiệm vụ thông qua phiếu học tập.

+ Giao tiếp và hợp tác: Sử dụng ngôn ngữ, kết hợp với các công cụ học tập để trình bày thông tin, thảo luận nhóm.

+ Giải quyết vấn đề sáng tạo.

- Năng lực Địa lí

- Năng lực nhận thức Địa lí: năng lực nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, phân tích được sự phân hoá đa dạng của mạng lưới thuỷ văn Việt Nam.

- Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng Địa lí vào cuộc sống, phân tích mối quan hệ giữa đặc điểm thuỷ văn Việt Nam với các thành phần tự nhiên khác.

3. Phẩm chất

- Yêu thiên nhiên, có ý thức bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ tài nguyên nước.

- Chăm chỉ: tìm hiểu kiến thức trên internet phục vụ học tập, yêu khoa học, ham học hỏi, tìm tòi.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. Đối với giáo viên.

- Bản đồ lưu vực các hệ thống sông lớn ở Việt Nam

- Một số hình ảnh, video vẽ sông, hồ, đầm của Việt Nam và tại địa phương

2. Đối với học sinh.

Sách GK và vở ghi

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Hoạt động khởi động**  **a. Mục tiêu**  - Cung cấp thông tin, tạo kết nối giữa kiến thức của HS vẽ sông, hồ, đầm, nước ngầm với nội dung bài học.  - Tạo hứng thú, kích thích tò mò của người học.  **b. Nội dung**  HS quan sát video và thực hiện các yêu cầu của GV  **c. Sản phẩm**  - Câu trả lời cá nhân của học sinh.  **d. Cách thức tổ chức**  **Bước 1**: Giao nhiệm vụ  HS theo dõi, quan sát một số hình ảnh, video vẽ mạng lưới thuỷ văn Việt Nam, đưa ra các câu hỏi gợi mở:  *+ Qua quan sát (theo dõi) các hình ảnh (video) em có nhận xét gì vẽ mạng lưới sông, hồ, đầm ở nước ta?*  *+ Kể tên sông, hồ, đầm có ở địa phương?*  *+ Sông, hồ, đầm có vai trò gi đối với môi trường tự nhiên, sản xuất và đời sống của con người?...*  **Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3:** Báo cáo kết quả  **Bước 4:** Đánh giá và chốt kiến thức, và kết nối vào bài học | |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới.** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** |
| **2.1. Tìm hiểu về Sông ngòi.**  **a) Đặc điểm chung**  **a. Mục tiêu**  - Trình bày được đặc điểm chung của sông ngòi Việt Nam.  - Rèn luyện kĩ năng đọc bản đồ để xác định lưu vực của các hệ thống sông lớn kết hợp các kiến thức đã học giải thích được các đặc điểm sông ngòi Việt Nam.  **b. Nội dung**  HS làm việc cá nhân/cặp nhóm để trả lời các câu hỏi của GV  **c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS  **d. Cách thức tổ chức** | |
| **Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS quan sát hình 6.1, xác định phạm vi lưu vực của ba hệ thống sông: Hồng, Thu Bồn, Mê Công ở lãnh thổ Việt Nam.  - GV yêu cẩu HS đọc thông tin trong SGK và trình bày đặc điểm sông ngòi nước ta. GV gợi ý các nội dung HS cẩn nêu được khi *trình bày vẽ đặc điểm sông ngòi: đặc điểm mạng lưới sông ngòi, hướng chảy, chế độ dòng chảy và lượng phù sa của sông ngòi.*  **Bước 2:** Thực hiện nhiệm cá nhân  **Bước 3:** Báo cáo kết quả  **Bước 4:** Đánh giá và chốt kiến thức  - Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh.  - GV có thể mở rộng cho HS vể nguyên nhân dẫn đến các đặc điểm của sông ngòi Việt Nam bằng các cầu hỏi gợi mở, kết nối các kiến thức đã học về địa hình, khí hậu để giải thích, nhằm khắc sầu thêm nội dung của mục. Các cầu hỏi gợi mở: Vì sao phần lớn sông ngòi nước ta thường nhỏ, ngắn, dốc? Đặc điểm khí hậu có ảnh hưởng như thế nào đến chế độ dòng chảy của sông ngòi nước ta?... | **1.** Sông ngòi  **a) Đặc điểm chung .**  + Mạng lưới sông ngòi dày đặc, phần bố rộng khắp trên đất liễn. Phần lớn là sông nhỏ.  + Chủ yếu chảy theo hai hướng chính là tầy bắc - đông nam và vòng cung, một số sông chảy theo hướng tây - đông,...  + Chế độ dòng chảy phân hai mùa rõ rệt: mùa lũ và mùa cạn. Lượng nước tập trung chủ yếu vào mùa lũ (70 - 80% tổng lượng nước cả năm).  + Có nhiều nước (hơn 800 tỉ m3/năm) và lượng phù sa khá lớn |
| **2.1. Tìm hiểu về Sông ngòi.**  **a) Đặc điểm chung**  **a. Mục tiêu**  - Trình bày được đặc điểm chung của sông ngòi Việt Nam.  - Rèn luyện kĩ năng đọc bản đồ để xác định lưu vực của các hệ thống sông lớn kết hợp các kiến thức đã học giải thích được các đặc điểm sông ngòi Việt Nam.  **b. Nội dung**  HS làm việc cá nhân/cặp nhóm để trả lời các câu hỏi của GV  **c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS  **d. Cách thức tổ chức** | |
| **Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS quan sát hình 6.1, xác định phạm vi lưu vực của ba hệ thống sông: Hồng, Thu Bồn, Mê Công ở lãnh thổ Việt Nam.  - GV yêu cẩu HS đọc thông tin trong SGK và trình bày đặc điểm sông ngòi nước ta. GV gợi ý các nội dung HS cẩn nêu được khi *trình bày vẽ đặc điểm sông ngòi: đặc điểm mạng lưới sông ngòi, hướng chảy, chế độ dòng chảy và lượng phù sa của sông ngòi.*  **Bước 2:** Thực hiện nhiệm cá nhân  **Bước 3:** Báo cáo kết quả  **Bước 4:** Đánh giá và chốt kiến thức  - Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh.  - GV có thể mở rộng cho HS về nguyên nhân dẫn đến các đặc điểm của sông ngòi Việt Nam bằng các câu hỏi gợi mở, kết nối các kiến thức đã học về địa hình, khí hậu để giải thích, nhằm khắc sầu thêm nội dung của mục. Các cầu hỏi gợi mở: Vì sao phần lớn sông ngòi nước ta thường nhỏ, ngắn, dốc? Đặc điểm khí hậu có ảnh hưởng như thế nào đến chế độ dòng chảy của sông ngòi nước ta?... | **1.** Sông ngòi  **a) Đặc điểm chung .**  + Mạng lưới sông ngòi dày đặc, phần bố rộng khắp trên đất liễn. Phần lớn là sông nhỏ.  + Chủ yếu chảy theo hai hướng chính là tầy bắc - đông nam và vòng cung, một số sông chảy theo hướng tây - đông,...  + Chế độ dòng chảy phân hai mùa rõ rệt: mùa lũ và mùa cạn. Lượng nước tập trung chủ yếu vào mùa lũ (70 - 80% tổng lượng nước cả năm).  + Có nhiều nước (hơn 800 tỉ m3/năm) và lượng phù sa khá lớn |
| **b, Một số hệ thống sông lớn.**  a. Mục tiêu  - Phân tích được đặc điểm mạng lưới sông và chế độ nước sông của một số hệ thống sông lớn.  - Đọc lược đồ lưu vực để nhận xét được đặc điểm mạng lưới sông.  b. Nội dung: HS sử dụng kênh hình, kênh chữ SGK hoàn thành phiếu học tập sau.  c. Sản Phẩm: Phiếu học tập.  d. Cách thức tổ chức | |
| **Bước 1:** Giao nhiệm vụ  - GV có thể tổ chức hoạt động học tập theo nhóm, chia nhóm tìm hiểu vể đặc điểm mạng lưới sông và chế độ nước của một hệ thống sông.  - GV hướng dẫn HS khai thác thông tin trong SGK và quan sát lược đồ. GV có thể thiết kế phiếu học tập để các nhóm trình bầy kết quả làm việc.  Phiếu học tập: Dựa vào kênh hình, kênh chữ SGK   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | HT sông Hồng | HT sông Thu Bồn | HT sông Mê Công. | | Đặc điểm mạng lưới sông |  |  |  | | Chế độ nước sông |  |  |  |   **Bước 2**: HS thực hiện nhiệm vụ  - HS trao đổi và trả lời câu hỏi  **Bước 3**: HS báo cáo kết quả làm việc  - HS trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung  **Bước 4:** Đánh giá và chốt kiến thức  - Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh.  - Chuẩn kiến thức:  - GV mở rộng kiến thức, cho HS quan sát về hình ảnh thực tế các con sông. | **b) Một số hệ thống sông lớn.**  . |
| **BẢNG CHUẨN KIẾN THỨC.**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | **HT sông Hồng** | **HT sông Thu Bồn** | **HT sông Mê Công.** | | **Đặc điểm mạng lưới sông** | Có hai phụ lưu chính là sông Đà và sông Lô. Tất cả các phụ lưu lớn hợp với dòng chính sông Hồng tạo thành một mạng lưới sông hình nan quạt, hội tụ tại Việt Trì (Phú Thọ). | Có 78 phụ lưu có chiểu dài trên 10 km. Các sông, suối trong hệ thống sông thường ngắn và dốc, phần thành nhiẽu lưu vực nhỏ độc lập. Mạng lưới sông có dạng nan quạt. | Tại Việt Nam sông dài hơn 230 km, có nhiễu phụ lưu, riêng ở Việt Nam có 286 phụ lưu, lớn nhất là sông Srê Pôk. Mạng lưới sông có hình lông chim. Hai chi lưu lớn ở Việt Nam là sông Tiển và sông Hậu, được chia ra thành nhiểu sông nhỏ cùng hệ thống kênh rạch chằng chịt. | | **Chế độ nước sông** | Có hai mùa:  + Mùa lũ bắt đầu từ tháng ố và kết thúc vào tháng 10 phù hợp với mùa mưa, chiếm khoảng 75% tổng lượng nước cả năm; + Mùa cạn bắt đầu từ tháng 11 và kết thúc vào tháng 5 năm sau, chỉ chiếm khoảng 25% tổng lượng nước cả năm. | Chia làm hai mùa rõ rệt: + Mùa lũ diễn ra từ tháng 9 đến tháng 12 phù hợp với mùa mưa thu đông và mùa bão, mùa lũ chiếm khoảng 65 % tổng lượng nước cả năm  + Mùa cạn kéo dài từ tháng 1 đến tháng 9, chiếm 35% tổng lượng nước cả năm. | Có hai mùa:  + Mùa lũ bắt đầu từ tháng ố và kết thúc vào tháng 10 phù hợp với mùa mưa, chiếm khoảng 75% tổng lượng nước cả năm  + Mùa cạn bắt đầu từ tháng 11 và kết thúc vào tháng 5 năm sau, chỉ chiếm khoảng 25% tổng lượng nước cả năm. | | |
| **2.2. Tìm hiểu về Hồ, đầm**  a. Mục tiêu  - Phân tích được vai trò của hồ, đầm đối với sản xuất và sinh hoạt ở nước ta.  - Rèn luyện kĩ năng quan sát, theo dõi tranh ảnh, video để khai thác tri thức liên quan đến nội dung học tập.  b. Nội dung: HS thảo luận cặp đôi trả lời câu hỏi  c. Sản Phẩm: Câu trả lời của HS  d. Cách thức tổ chức | |
| **Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ  - GV tổ chức cho HS hoạt động theo cặp đôi, tìm hiểu vai trò của hổ, đầm với đời sống sinh hoạt, sản xuất. Ngoài những hình ảnh trong SGK, GV có thể cung cấp thêm tranh ảnh hoặc video vẽ vai trò của hồ, đầm để HS quan sát.  - GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ, có thể liên hệ với địa phương để thấy được vai trò của hồ, đầm  **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ nhóm  **Bước 3:** Báo cáo kết quả  - HS báo cáo kết quả làm việc trước lớp  - HS khác nhận xét, bổ sung  **Bước 4:** Đánh giá và chốt kiến thức  - Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh.  - Chuẩn kiến thức:  - GV cung cấp thêm cho HS những hình ảnh về 1 số hồ tiêu biểu: Hồ Ba Bể, hồ Tơ Nưng ... | **2. Hồ, đầm**  - Đối với sản xuất:  + Nông nghiệp: cung cấp nước cho trồng trọt và chăn nuôi. nuôi trồng, đánh bắt thuỷ sản.  + Công nghiệp: phát triển thuỷ điện. Hồ cung cấp nước cho các ngành công nghiệp như: chế biến lương thực - thực phẩm, khai khoáng,...  + Dịch vụ: khai thác để phát triển du lịch.  - Đối với sinh hoạt: Phục vụ nhu cầu nước trong sinh hoạt, là nguồn dự trữ nước ngọt lớn; đóng vai trò đâm bảo an ninh nguồn nước, nhất là ở các khu vực có mùa khô sâu sắc |
| **2.3. Tìm hiểu về Nước ngầm**  a. Mục tiêu  - Phân tích được vai trò của nước ngầm đối với sản xuất và sinh hoạt ở nước ta.  - Vận dụng kiến thức địa lí vào đời sống để lấy được ví dụ vẽ vai trò của nước ngầm đối với đời sống sinh hoạt và sản xuất của nhân dần.  b. Nội dung:.  c. Sản Phẩm: Câu trả lời của HS  d. Cách thức tổ chức | |
| **Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK để tìm hiểu vai trò của nước ngầm đối với đời sống sinh hoạt và sản xuất. - GV có thể đưa ra những cầu hỏi gợi mở, cho HS liên hệ với địa phương để HS thấy được vai trò của nước ngầm (nếu có)  **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ nhóm  **Bước 3:** Báo cáo kết quả  - HS báo cáo kết quả làm việc trước lớp  - HS khác nhận xét, bổ sung  **Bước 4:** Đánh giá và chốt kiến thức  - Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh.  - Chuẩn kiến thức:  - GV cung cấp thêm cho HS những hình ảnh về 1 số hồ tiêu biểu: Hồ Ba Bể, hồ Tơ Nưng ... | **3. Nước ngầm**  - Đối với sản xuất:  + Nông nghiệp: cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thuỷ sản,...) đặc biệt với các vùng khan hiếm nước mặt như Tây Nguyên, Duyên hải Nam Trung Bộ.  + Công nghiệp: được sử dụng trong nhiều ngành công nghiệp như: chế biến lương thực - thực phẩm, sản xuất giấy,...  + Dịch vự Một số nguồn nước nóng, nước khoáng được khai thác để chữa bệnh và phát triển du lịch nghỉ dưỡng.  - Đối với sinh hoạt: Nước ngầm là nguồn nước quan trọng phục vụ cho sinh hoạt của người dần ở nước ta |
| **3. Hoạt động luyện tập**  **a. Mục tiêu**  Củng cố kiến thức về thuỷ văn Việt Nam:  - Chế độ nước sông của ba hệ thống sông.  - Xác định trên bản đồ vị trí một số sông, hồ ở nước ta.  **b. Nội dung**  HS hoàn thành bảng mẫu  **c. Sản phẩm:** bảng mẫu  **d. Cách thức tổ chức**  **Bước 1**: Giao nhiệm vụ cho học sinh:  - GV hướng dẫn HS khai thác thông tin từ mục 2, kiến thức đã học, làm việc cá nhân và hoàn thành bảng SGK / 125  - HS dựa vào hình ố.l để xác định trên bản đổ vị trí một số sông, hồ ở nước ta.  **Bước 2**: Thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3**: Báo cáo kết quả làm việc  **Bước 4:** GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức  **Bảng chuẩn kiến thức**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Hệ thống sông**  **Chế độ nước** | **Sông Hồng** | **Sông Thu Bổn** | **Sông Mê Công** | | Thời gian mùa lũ | Tháng ố - 10 | Tháng 9-12 | **Tháng 7-11** | | Thời gian mùa cạn | Tháng 11-5 | Tháng 1 - 8 | **Tháng 12-6** | | |
| **4. Hoạt động vận dụng, mở rộng**  **a. Mục tiêu**  - Tìm hiểu vể vai trò của một dòng sông hoặc hồ ở nước ta đối với sinh hoạt và sản xuất.  - Phát triển các năng lực tự chủ và tự học, năng lực tìm hiểu địa lí và đặc biệt năng lực vận dụng kiến thúc, kĩ năng địa lí vào cuộc sống.  **b. Nội dung**  HS tìm kiếm thông tin trên báo, mạng về  **c. Sản Phẩm**  Hình ảnh, video  **d. Cách thức tổ chức**  - GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện ở nhà dưới sự hướng dẫn tìm kiếm các thông tin của GV.  HS trình bày báo cáo kết quả trước lớp vào giờ học hôm sau. | |

**Bài 7. Vai trò của tài nguyên khí hậu và tài nguyên nước đối với sự phát triển**

**kinh tế – xã hội của nước ta (3tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

1. Kiến thức

- Phân tích được ảnh hưởng của khí hậu đối với sản xuất nông nghiệp.

- Phân tích được vai trò của khí hậu đối với sự phát triển du lịch ở một số điểm du lịch nổi tiếng của nước ta.

- Lấy ví dụ chứng minh được tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp tài nguyên nước ở một lưu vực sông.

2. Năng lực

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học: Tự học và hoàn thiện các nhiệm vụ thông qua phiếu học tập.

+ Giao tiếp và hợp tác: Sử dụng ngôn ngữ, kết hợp với các công cụ học tập để trình bày thông tin, thảo luận nhóm.

+ Giải quyết vấn đề sáng tạo.

- Năng lực Địa lí

- Năng lực nhận thức địa lí: nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích hiện tượng và quá trình địa lí tự nhiên.

- Năng lực tìm hiểu địa lí: sử dụng được các công cụ địa lí (tranh ảnh, video,...).

- Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng địa lí vào cuộc sống, lấy ví dụ vễ vai trò của khí hậu, tài nguyên nước đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của nước ta hoặc tại địa phương.

3. Phẩm chất

- Yêu thiên nhiên, có ý thức bảo vệ thiên nhiên (sử dụng hợp lí, khai thác đi đôi với phục hồi tài nguyên thiền nhiên, phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu,...).

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. Đối với giáo viên.

Một số hình ảnh, video về vai trò của tài nguyên khí hậu và tài nguyên nước đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam

2. Đối với học sinh.

Sách GK và vở ghi

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Hoạt động khởi động**  **a. Mục tiêu**  - Cung cấp thông tin, tạo kết nối giữa kiến thức của HS với nội dung bài học.  - Tạo hứng thú, kích thích tò mò của người học.  **b. Nội dung**  HS chia sẻ những hiểu biết của bản thân về vai trò của tài nguyên nước, tài nguyên khí hậu.  **c. Sản phẩm**  - Câu trả lời cá nhân của học sinh.  **d. Cách thức tổ chức**  **Bước 1**: Giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS dựa vào hiểu biết cá nhân, lấy ví dụ vể ảnh hưởng của khí hậu và nguồn nước đối với hoạt động sản xuất ở nước ta  **Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3:** Báo cáo kết quả  **Bước 4:** Đánh giá và chốt kiến thức, và kết nối vào bài học | |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới.** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** |
| **2.1. Tìm hiểu về Ảnh hưởng của khỉ hậu đối với sản xuất nông nghiệp**  **a. Mục tiêu**  - Phân tích được ảnh hưởng của khí hậu đối với sản xuất nông nghiệp.  - Rèn luyện kĩ năng khai thác thông tin từ hình ảnh, tư liệu phục vụ nội dung học tập.  **b. Nội dung**  HS làm việc cá nhân/cặp nhóm để trả lời các câu hỏi của GV  **c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS  **d. Cách thức tổ chức** | |
| **Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS đọc thông tin, quan sát các hình 7.1,7.2 trong mục 1 và phân tích ảnh hưởng của khí hậu đối với sản xuất nông nghiệp.  *+ Thuận lợi ?*  *+ Khó khăn ?*  - GV tổ chức cho HS làm việc theo cặp đôi. GV có thể gợi mở cho HS: Nông nghiệp là hoạt động kinh tế chịu nhiễu ảnh hưởng nhất bởi khí hậu. Đặc điểm khí hậu sẽ quy định cơ cấu cầy trồng, vật nuôi đặc trưng tại mỗi vùng miền khác nhau  - Để mở rộng, GV cho HS đọc mục Em có biết vể sự phân hoá các sản phẩm nông nghiệp ở miền khí hậu phía Bắc và miẽn khí hậu phía Nam  **Bước 2:** Thực hiện nhiệm cá nhân  **Bước 3:** Báo cáo kết quả  **Bước 4:** Đánh giá và chốt kiến thức  - Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh. | **1.** **Ảnh hưởng của khỉ hậu đối với sản xuất nông nghiệp .**  \* Thuận lợi:  + cho phép sản xuất nông nghiệp được tiến hành quanh năm, tăng vụ, tăng năng suất.  + sự đa dạng sản phẩm nông nghiệp trên cả nước: các cầy trồng, vật nuôi cận nhiệt và ôn đới.  \* Khó khăn.  Nước ta có nhiều thiên tai gầy thiệt hại cho sản xuất nông nghiệp; môi trường nóng ẩm là điểu kiện thuận lợi để sâu, bệnh phát triển, ảnh hưởng đến sản lượng và chất lượng của nông sản. |
| **2.2. Tìm hiểu về Ảnh hưởng của khỉ hậu đối với hoạt động du lịch.**  a. Mục tiêu  - Phân tích được vai trò của khí hậu đối với sự phát triển du lịch ở một số điểm du lịch nổi tiếng của nước ta.  - Rèn luyện kĩ năng vận dụng kiến thức địa lí vào cuộc sống.  b. Nội dung: HS thảo luận cặp đôi hoặc nhóm để trả lời câu hỏi  c. Sản Phẩm: Câu trả lời của HS  d. Cách thức tổ chức | |
| **Bước 1:** Giao nhiệm vụ  - GV sử dụng phương pháp đàm thoại gợi mở cho HS thấy được sự phân hoá đa dạng của khí hậu là cơ sở cho sự phân hoá đa dạng các hoạt động du lịch trên các vùng miễn của nước ta.  - GV yêu cầu HS hoạt động theo cặp hoặc có thể tổ chức lớp thành các nhóm và tìm hiểu vẽ ảnh hưởng của khí hậu đối với hoạt động du lịch ở nước ta.  *+ Thuận lợi ?*  *+ Khó khăn ?*  **Bước 2**: HS thực hiện nhiệm vụ  - HS trao đổi và trả lời câu hỏi  **Bước 3**: HS báo cáo kết quả làm việc  - HS trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung  **Bước 4:** Đánh giá và chốt kiến thức  - Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh.  - Chuẩn kiến thức: | **2. Ảnh hưởng của khỉ hậu đối với hoạt động du lịch.**  \* Thuận lợi:  + Ở khu vực đồi núi, sự phần hoá của khí hậu theo độ cao tạo điểu kiện phát triển các loại hình du lịch như nghỉ dưỡng, tham quan, khám phá,... Các vùng núi cao có khí hậu mát mẻ quanh năm, không khí trong lành là cơ sỗ để tạo nên các điểm du lịch.  + Sự phân hoá của khí hậu giữa phía Bắc và phía Nam ảnh hưởng đến mùa vụ du lịch của hai miền. Các hoạt động du lịch biển ở phía Bắc hầu như chỉ diễn ra vào mùa hạ còn ở phía Nam có thể diễn ra quanh năm..  \* Khó khăn.  Các hiện tượng thời tiết như mưa lớn, bão,... là trở ngại đối với hoạt động du lịch ngoài trời. |
| **2.3. Tìm hiểu về Tẩm quan trọng của việc sử đụng tổng hợp tài nguyên nước ở một lưu vực sông**  a. Mục tiêu  Chứng minh được tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp tài nguyên nước ở một lưu vực sông  b. Nội dung: HS thảo luận cặp đôi hoặc nhóm để trả lời câu hỏi.  c. Sản Phẩm: Câu trả lời của HS  d. Cách thức tổ chức | |
| **Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ  - GV có thể đặt câu hỏi để HS nhớ lại kiến thức đã học ở lớp về  *? vai trò của việc sử dụng tổng hợp tài nguyên nước* (mang lại hiệu quả kinh tế cao, hạn chế sự lãng phí, góp phần bảo vệ các hệ sinh thái dưới nước...) bảo vệ tài nguyên nước phục vụ mục tiêu phát triển bền vũng. Nhất là trong bối cảnh biến đổi khí hậu hiện nay, vấn đẽ sử dụng tổng hợp tài nguyên nước càng trở nên cấp thiết hơn  *? dựa vào thông tin mục 3 và hiểu biết của bản thân, tìm hiểu và chứng minh tẩm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp tài nguyên nước ở một lưu vực sông.*  Ví dụ: Nguồn nước sông Hồng có ý nghĩa lớn đối với sản xuất và đời sống do được sử dụng vào nhiều mục đích. Song việc sử dụng gặp không ít trở ngại do chế độ nước sông chia thành hai mùa rõ rệt. Vào mùa lũ, lượng nước tập trung nhiều, đe doạ phá vỡ đê, gầy ngập úng; mùa cạn, mực nước sông hạ thấp ảnh hưởng đến việc cấp nước cho sinh hoạt và sản xuất. Nhũng khó khăn đó được giải quyết nhờ sử dụng tổng hợp tài nguyên nước: Việc xây dựng các hồ thuỷ điện lớn trên hệ thống sông Hồng (thuỷ điện Hoà Bình, thuỷ điện Sơn La,...) vừa góp phần sản xuất điện, phát triển nuôi cá, du lịch,... vừa điểu hoà mực nước sông để các hoạt động: giao thông vận tải trên sông, cung cấp nước tưới cho nông nghiệp,... có thể tiến hành thuận lợi quanh năm.  **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ nhóm  **Bước 3:** Báo cáo kết quả  - HS báo cáo kết quả làm việc trước lớp  - HS khác nhận xét, bổ sung  **Bước 4:** Đánh giá và chốt kiến thức  - Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh.  - Chuẩn kiến thức: | **3.** **Tẩm quan trọng của việc sử đụng tổng hợp tài nguyên nước ở một lưu vực sông**  - Mang lại hiệu quả kinh tế cao, hạn chế sự lãng phí, góp phần bảo vệ các hệ sinh thái dưới nước...)  - Bảo vệ tài nguyên nước phục vụ mục tiêu phát triển bền vững. Nhất là trong bối cảnh biến đổi khí hậu hiện nay, vấn đế sử dụng tổng hợp tài nguyên nước càng trở nên cấp thiết hơn |
| **3. Hoạt động luyện tập**  **a. Mục tiêu**  Củng cố kiến thức về ảnh hưởng của khí hậu nước ta đối với hoạt động du lịch, sản xuất nông nghiệp thông qua hệ thống câu hỏi trắc nghiệm.  **b. Nội dung**  HS trả lời các câu hỏi trắc nghiệm  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.  **d. Cách thức tổ chức**  **Bước 1**: Giao nhiệm vụ cho học sinh:  GV giới thiệu hệ thống câu hỏi trắc nghiệm, HS lần lượt tham gia trả lời.  **Bước 2**: Thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3**: Báo cáo kết quả làm việc  **Bước 4:** GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức | |
| **4. Hoạt động vận dụng, mở rộng**  **a. Mục tiêu**  Mở rộng kiến thức cho HS về  **b. Nội dung**  HS tìm kiếm thông tin trên báo, mạng về  **c. Sản Phẩm**  Hình ảnh, video  **d. Cách thức tổ chức**  - GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện ở nhà dưới sự hướng dẫn tìm kiếm các thông tin của GV.  HS trình bày báo cáo kết quả trước lớp vào giờ học hôm sau. | |